

## THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH BIỂN, ĐẢO Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*Nguyễn Thanh Tường\**

### TÓM TẮT

Thành phố Đà Nẵng có nhiều tiềm năng và điều kiện để phát triển bền vững du lịch (DL) biển, đảo. Với lợi thế về cảng biển và sân bay quốc tế, cửa ngõ đến các di sản thế giới của miền Trung, cùng với nguồn tài nguyên DL phong phú và đa dạng như danh thắng Ngũ Hành Sơn, Bảo tàng Điêu khắc Chăm, thành Điện Hải, bán đảo Sơn Trà, Bà Nà-Suối Mơ, hệ thống sông Hàn, Cẩm Lệ, Tuý Loan, Trường Định, Hoà Bắc; các làng quê Phong Nam, Hoà Tiến, Hoà phú, Phú Thượng, các bãi tắm đẹp, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ DL cơ bản và đồng bộ, nhiều dịch vụ tốt... Đà Nẵng đã và đang trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách ở trong và ngoài nước. Tuy nhiên hạn chế lớn nhất có thể thấy rõ hiệu quả kinh tế DL còn khiêm tốn, thể hiện ở thu nhập DL còn thấp, độ dài lưu trú ngắn, sản phẩm DL chưa phong phú đa dạng. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu thực trạng của việc phát triển DL biển, đảo trên địa bàn thành phố, để đề xuất những giải pháp phát triển bền vững DL biển đảo phù hợp với tình hình phát triển hiện nay.

### 1. Đặt vấn đề

Thành phố Đà Nẵng được xác định là thành phố DL (nằm trong vùng DL duyên hải Nam Trung bộ), với đặc trưng cơ bản về DL biển, đảo. Các bãi biển nơi đây có nước biển trong, xanh, sạch và ấm quanh năm; bãi biển dài, cát trắng, mịn và đẹp như Non Nước, Mỹ Khê, Phạm Văn Đồng, T18, T20, Xuân Thiều, Tiên Sa... Hệ thống đảo gần bờ có giá trị đa dạng sinh học cao như bán đảo Sơn Trà trở thành thiên đường nghỉ dưỡng đối với khách DL. Tuy nhiên có thể thấy rõ số lượng khách DL đến Đà Nẵng chưa nhiều, doanh thu DL còn khiêm tốn, thể hiện ở thu nhập DL còn thấp, độ dài lưu trú ngắn, sản phẩm DL chưa phong phú đa dạng.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Thực trạng phát triển du lịch biển, đảo thành phố Đà Nẵng

##### 2.1.1. Về khách du lịch

Theo *Cục thống kê các tỉnh năm 2011* [1], tốc độ tăng trưởng về khách DL bình quân hàng năm đến thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006 - 2010 là 22% (tăng 8% so với kế hoạch đề ra). Năm 2006 tổng lượt khách DL đạt 774.000 lượt; năm 2007 tổng lượt khách DL đạt 1.024.020 lượt (tăng 32%); năm 2010, tổng lượt khách DL đạt 1.770.000 khách, tăng 33% so với năm 2009 và tăng 22% so với kế hoạch, trong đó khách quốc tế tăng 18%, khách nội địa tăng 38%.

**Bảng 1:** Khách du lịch quốc tế đến Đà Nẵng và một số tỉnh Nam Trung bộ giai đoạn 2005 -2010

Các tỉnh	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tăng TB
Đà Nẵng	227.826	258.000	299.593	353.696	300.000	380.000	10,8%
Quảng Nam	712.529	797.899	1.005.516	1.165.027	1.135.000	1.170.000	10,4%
Khánh Hòa	248.578	255.287	282.272	315.585	281.200	380.000	8,9%
Bình Thuận	128.029	150.707	178.251	195.156	222.000	245.230	13,9%

*Nguồn: Niên giám thống kê Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Thuận. Cục thống kê các*

tỉnh này 2011

**Bảng 2:** Khách du lịch nội địa đến Đà Nẵng và một số tỉnh Nam Trung bộ giai đoạn 2005 -2010

Các tỉnh	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tăng TB
Đà Nẵng	431.630	516.000	724.427	915.448	900.000	1.400.000	26,5%
Quảng Nam	649.597	881.158	1.098.665	987.870	1.120.000	1.230.000	13,6%
Khánh Hòa	653.890	832.861	1.081.270	1.281.613	1.298.880	640.500	16,1%
Bình Thuận	1.122.907	1.401.590	1.623.125	1.805.129	1.978.000	8.443.270	15,0%

Nguồn: Niên giám thống kê Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Thuận. Cục thống kê các tỉnh này 2011

**Nhận xét:** So sánh thành phố Đà Nẵng đối với một số tỉnh duyên hải Nam Trung bộ cho thấy: năm 2010 đón 380.000 lượt khách quốc tế, tăng trung bình 10,8%/năm (giai đoạn 2005-2010) và 1.400.000 lượt khách nội địa tăng trung bình 26,5%/năm (giai đoạn 2005-2010). Lượt khách quốc tế và nội địa đến thành phố Đà Nẵng vẫn thấp hơn một số tỉnh như Quảng Nam, Bình Thuận... Điều này cho thấy DL Đà Nẵng còn nhiều tiềm năng chưa khai thác, phát triển và đang hứa hẹn những triển vọng phát triển trở thành điểm đến lớn nhất của vùng.

### 2.1.2. Doanh thu du lịch

Doanh thu chuyên ngành DL giai đoạn 2006 - 2010 tăng bình quân hàng năm đạt 22,03%. Từ 435 tỷ đồng năm 2006 lên 1.015 tỷ đồng năm 2010. Thu nhập xã hội từ hoạt động DL năm 2006 đạt 958 tỉ đồng lên 3.097 tỷ đồng năm 2010.

**Bảng 5:** Doanh thu du lịch của Đà Nẵng và một số tỉnh duyên hải Nam Trung bộ giai đoạn 2005-2010

Đơn vị: tỷ đồng

Các tỉnh	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tăng TB
Đà Nẵng	406,5	453	625,79	880,6	891,08	1.015	22,03%
Quảng Nam	291	414	597	772	840	920	31,15%
Khánh Hòa	643,14	834,21	1.027	1.357	1.562,6	1.750	23,87%
Bình Thuận	611,32	803,41	1.060,77	1.424,09	1.890	2.100	62,4%
Tổng số	2.260,46	2.882,32	3.805,06	5.090,21	5.946,7	6.875	24,92%
% cả nước	6,11%	6,36%	6,3%	6,35%	6,7%	6,76%	-

Nguồn: Niên giám thống kê Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Thuận. Cục thống kê các tỉnh này 2011

**Nhận xét:** So sánh thành phố Đà Nẵng đối với các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ cho thấy: doanh thu từ DL của Đà Nẵng vẫn thấp hơn một số tỉnh như Bình Thuận, Khánh Hòa... Điều này cũng dễ hiểu vì khách DL đến Đà Nẵng chủ yếu là khách nội địa, với khả năng chi trả không cao, nhưng đối với tỉnh Bình Thuận và Khánh Hòa thì ngược lại.

Cùng với sự tăng trưởng của lượng du khách đến Đà Nẵng, các cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú, khu DL vui chơi giải trí ngày càng được đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu của khách DL. Dự kiến đến năm 2015, lượng khách lưu trú tại Đà Nẵng đạt 1.800.000 lượt khách, trong đó khách quốc tế chiếm 360.000 lượt khách, với thời gian lưu lại bình quân là 2,4 ngày.

### 2.1.3. Đầu tư xây dựng cơ sở chuyên ngành du lịch

**Bảng 6:** Cơ sở lưu trú du lịch của Đà Nẵng và một số tỉnh Nam Trung bộ giai đoạn 2005-2010

Đơn vị: Cơ sở (CS); Bường (B)

Năm	2005		2006		2007		2008		2009		2010		Tăng TB (%)	
	CS	B	CS	B	CS	B	CS	B	CS	B	CS	B	CS	B
Đà Nẵng	91	3.140	105	3.247	137	4.134	138	4.268	161	4.879	181	6.089	14,7	14,2
Quảng Nam	97	2.805	87	3.234	93	3.513	97	3.817	104	3.993	106	4.115	1,8	8
Bình Thuận	155	3.251	125	4.240	130	4.399	134	5.006	154	6.650	155	6.917	0,0	16
Khánh Hòa	314	7.076	349	8.279	387	8.841	397	9.140	420	10.200	455	11.730	7,7	10,6

*Nguồn: Niên giám thống kê Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Thuận. Cục thống kê các tỉnh này 2011*

Thành phố Đà Nẵng đã đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, các công trình để phục vụ cho dân sinh và tạo thuận lợi cho phát triển DL như: đường DL ven biển Hoàng Sa, Trường Sa, đường lên đỉnh Sơn Trà, đường lên Khu DL Bà Nà - Suối Mơ, quy hoạch và mở rộng khu danh thắng Ngũ Hành Sơn... Đến năm 2010, thành phố đã có 55 dự án đầu tư về DL với tổng số vốn đầu tư lên đến 2.835,7 triệu USD. Cơ sở lưu trú DL cho thấy số lượng cơ sở và buồng lưu trú tăng nhanh trong thời gian qua và tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng về khách DL.

*Nhận xét:* Qua bảng trên cho thấy cơ sở lưu trú và buồng (phòng) của thành phố Đà Nẵng có sự tăng trưởng đáng kể. Tuy nhiên, với vị trí là đô thị loại I, cơ sở lưu trú DL và buồng (phòng) như bảng số liệu trên thì còn khiêm tốn so với các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ

**Bảng 7:** Cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng theo sao năm 201. Đơn vị: Cơ sở (CS); Buồng (B)

Năm	1 Sao		2 Sao		3 Sao		4 Sao		5 Sao	
	CS	B	CS	B	CS	B	CS	B	CS	B
Đà Nẵng	12	308	14	783	13	766	2	296	4	838
Quảng Nam	18	432	19	559	10	575	9	887	3	530
Khánh Hòa	90	1.636	77	2.746	18	1.327	4	818	5	1026

*Nguồn: Niên giám thống kê Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa. Cục thống kê các tỉnh này 2011*

*Nhận xét:* Số cơ sở lưu trú DL được xếp theo hạng sao của thành phố Đà Nẵng vẫn thấp hơn một số tỉnh như Khánh Hòa, Quảng Nam...

#### 2.1.4. Nguồn lao động du lịch

**Bảng 8:** Nguồn nhân lực du lịch phân theo trình độ đào tạo TP Đà Nẵng năm 2011 [2]

Chỉ tiêu	Lữ hành	Khách sạn	Nhà hàng	Khu điểm du lịch	Đơn vị nhà nước về DL	Hướng dẫn viên	Đội ngũ giáo viên
		796 người	6564 người	4755 người	966 người	69 người	560 người
Trên ĐH	19 (2,39%)	27 (0,41%)	5 (0,11%)	3 (0,31%)	7 (10,14%)	0	70 (36,2%)
Đại học	464 (58,29%)	1144 (17,43%)	123 (2,59%)	124 (12,84%)	55 (79,71%)	548 (98%)	90 (46,6%)
Cao đẳng	85 (10,68%)	671 (10,22%)	180 (3,79%)	112 (11,59%)	0	0	5 (2,6%)
Trung cấp	116 (14,57%)	1669 (25,43%)	384 (8,08%)	158 (16,36%)	7 (10,14%)	0	
Sơ cấp, phổ thông	112 (10,07%)	3053 (46,51%)	4063 (85,45%)	569 (58,9%)	0	0	28 (14,6%)

*Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng, 2011*

*Nhận xét:* Số lượng lao động được đào tạo từ Đại học trở lên chiếm tỷ lệ cao như ở lĩnh vực Hướng dẫn viên (98%), đơn vị quản lý nhà nước (89,85%), đội ngũ giáo viên (82,8%), khối lữ hành (60,68%). Trong khi đó ở lĩnh vực khách sạn, khu điểm du lịch chiếm tỷ lệ rất thấp, thấp nhất là trong lĩnh vực nhà hàng (2,7%). Ngược lại, số lao động sơ cấp và lao động phổ thông chiếm tỷ lệ lớn (7.797 người) chiếm 56,08% trong tổng số lao động du lịch. Điều này cho thấy, tuy lực lượng lao động đông nhưng chất lượng lại thấp, thiếu đội ngũ lao động được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp [3].

### *2.1.5. Phát triển sản phẩm du lịch*

Hàng loạt sản phẩm DL mới có sức hấp dẫn và thu hút khách DL được đầu tư, nâng cấp: Khu DL sinh thái bán đảo Sơn Trà, điểm DL văn hóa tâm linh chùa Linh Ứng [4], Khu DL Bà Nà với hệ thống cáp treo đạt 2 kỷ lục thế giới cùng các dịch vụ lưu trú, vui chơi giải trí hiện đại, khu giải trí quốc tế đặc biệt Silver Shores, sân golf The Dunes Hòa Hải, khu công viên giải trí thể thao biển Dana Beach, chương trình city tour khám phá phố biển Đà Nẵng, các bãi tắm DL sạch đẹp; một số lễ hội, sự kiện văn hóa DL, đặc sắc đã được tổ chức, đặc biệt là Cuộc thi bắn pháo hoa quốc tế, lễ hội Quan Thế Âm, chương trình DL “Đà Nẵng - Điểm hẹn mùa hè”.

### *2.1.6. Tổ chức các chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch*

Các hoạt động xúc tiến đã được triển khai có hiệu quả như: tham gia các hội chợ DL quốc tế, tổ chức các chương trình DL làm quen dành cho các hãng lữ hành và báo chí đến Đà Nẵng; phát hành cẩm nang DL Đà Nẵng, bản đồ DL, phim DL bằng nhiều thứ tiếng Việt, Anh, Trung Quốc, Nhật, Thái Lan...; nâng cấp và liên kết trang web DL thành phố với các trang web uy tín trong và ngoài nước; quảng bá DL Đà Nẵng trên phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin điện tử DL thành phố Đà Nẵng; xuất bản các ấn phẩm DL, xây dựng các quầy tra cứu thông tin DL.

## **2.2. Đánh giá điểm mạnh và điểm yếu đối với du lịch biển đảo thành phố Đà Nẵng**

### *2.2.1. Điểm mạnh*

Đà Nẵng là thành phố có thế mạnh về tài nguyên DL tự nhiên và nhân văn gắn với biển. Chính quyền Thành phố rất quan tâm và có định hướng đúng để phát triển DL biển đảo trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Thành phố đã có cơ chế huy động nguồn lực hợp lý và có chính sách linh hoạt thu hút đầu tư DL.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị của tài nguyên DL tự nhiên và nhân văn được tăng cường; các di sản văn hóa, giá trị truyền thống được tôn trọng. Chất lượng dịch vụ DL được nâng cao và từng bước góp phần cải thiện diện mạo và sức cạnh tranh của DL thành phố Đà Nẵng trong vùng, khu vực và quốc tế.

Kết quả phát triển DL mang lại thu nhập, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố, tạo việc làm và nâng cao đời sống xã hội. Ngành DL biển, đảo đang từng bước khẳng định được vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế xã hội của thành phố Đà Nẵng.

### *2.2.2. Điểm yếu*

Bên cạnh những điểm mạnh, DL biển, đảo Đà Nẵng còn tồn tại một số hạn chế. Cụ thể là: Việc quản lý quy hoạch, khai thác tài nguyên DL biển, đảo chưa thực sự hiệu quả và bền vững. Một số nơi do quy hoạch chậm, quản lý yếu kém cùng với nhận thức chưa đầy đủ dẫn tới phá vỡ không gian DL, lãng phí tài nguyên và nảy sinh cạnh tranh không lành mạnh giữa các nhà cung ứng DL và giữa các địa phương.

Cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư dịch vụ tại bán đảo Sơn Trà chưa hiệu quả. Chậm triển khai hình thành khu mua sắm chuyên phục vụ khách DL tại chợ Hàn, phố đi bộ, chợ đêm và các dịch vụ trên đường Bạch Đằng và đường Trần Hưng Đạo; chưa có đội tàu DL, bến tàu phục vụ DL đường sông do thiếu cầu tàu, bến neo đậu tàu DL và khó khăn về vốn đầu tư, thủ tục đầu tư.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DL chưa được đầu tư đúng mức, chưa đáp ứng được nguồn nhân lực cho DL. Trình độ ngoại ngữ của nhân viên tại các cơ sở phục vụ DL còn hạn chế.

Sự phối hợp giữa các ngành các cấp, các đối tượng tham gia chưa chặt chẽ; sự gắn kết DL biển với không gian văn hóa miền biển, các di tích, lễ hội, làng nghề... chưa nhuần nhuyễn.

Việc bảo vệ môi trường và xây dựng nếp sống văn minh DL còn nhiều bất cập dẫn tới nguy cơ sản phẩm DL bị suy thoái nhanh.

Hạn chế lớn nhất có thể thấy rõ hiệu quả kinh tế DL còn khiêm tốn, thể hiện ở thu nhập DL còn thấp, độ dài lưu trú ngắn, sản phẩm DL chưa phong phú đa dạng.

Từ việc phân tích điểm mạnh và điểm yếu nêu trên, vấn đề đặt ra đối với DL biển, đảo thành phố Đà Nẵng là việc khai thác tối ưu tiềm năng, lợi thế về tài nguyên biển phục vụ phát triển DL biển theo hướng bền vững và tạo sức bứt phá mạnh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

## ***2.3. Một số giải pháp phát triển bền vững du lịch biển, đảo thành phố Đà Nẵng***

### *2.3.1. Giải pháp chung*

Vai trò quyết định trên hết là yếu tố con người tức nguồn nhân lực DL, phải tăng cường đào tạo, chuyển giao kiến thức, kỹ năng về DL, nâng cao nhận thức DL cho mọi đối tượng là cần thiết phải thực hiện cả trước mắt và lâu dài.

Đầu tư vào các cơ sở đào tạo DL trong vùng và tăng cường đào tạo tại chỗ là những biện pháp kèm theo. Tập trung đầu tư tăng cường năng lực cho trường DL tại Đà

Năng. Tiến hành đào tạo theo địa chỉ và khuyến khích, hỗ trợ công nhận kỹ năng nghề cho việc tự đào tạo tại doanh nghiệp.

Tài nguyên DL biển phải gắn kết nhuần nhuyễn với phong cách dịch vụ và văn hóa, lối sống địa phương. Ở đâu có sự kết hợp tốt thì ở đó hoạt động DL trở lên hấp dẫn, phong phú và hiệu quả cao hơn. Vì vậy trong thiết kế sản phẩm, quy hoạch các khu DL... phải tính đến yếu tố văn hóa bản địa để tạo tính đặc thù của sản phẩm.

Phát triển DL xanh, DL có trách nhiệm, sử dụng năng lượng sạch trong phát triển DL biển đảo, đặc biệt ở những đảo xa bờ thiếu nguồn nước ngọt, tự cấp nguồn năng lượng. Phát triển DL “xanh” gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa bản địa.

Tăng cường năng lực và có sự chuẩn bị thích ứng với những tác động của biến đổi khí hậu. Đối với việc quy hoạch, thiết kế các khu nghỉ dưỡng biển, đảo nhất thiết phải tính tới yếu tố mực nước biển dâng do biến đổi khí hậu; trang bị điều kiện cần thiết để ứng phó và giảm nhẹ tác động bất lợi của biến đổi khí hậu.

### 2.3.2. Giải pháp quản lý các hoạt động du lịch biển, đảo một cách bền vững

*Đối với chủ đầu tư, chủ dự án:* phải cải tạo, nâng cấp các khu DL, điểm DL và các công trình phục vụ DL; thực hiện đánh giá tác động môi trường DL trong lĩnh vực DL.

*Đối với các cơ sở lưu trú:* xây dựng phương án, chuẩn bị phương tiện và các điều kiện cần thiết để ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra, thực hiện các biện pháp chống suy thoái và ô nhiễm, cải thiện điều kiện môi trường tại các cơ sở lưu trú; thiết lập hệ thống thu gom và xử lý rác thải, chất thải theo quy định của pháp luật.

*Đối với các doanh nghiệp lữ hành:* xây dựng các chương trình bảo vệ môi trường trong các chương trình DL; không tổ chức các loại hình DL gây tổn hại đến môi trường; đưa nội dung bảo vệ môi trường vào các tài liệu hướng dẫn DL, thông báo nhắc nhở, chỉ dẫn khách DL tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường nơi đến DL.

*Đối với các tổ chức, cá nhân vận chuyển hành khách:* Phương tiện vận chuyển phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

*Đối với ban quản lý khu, điểm du lịch:* Xây dựng nội quy bảo vệ môi trường điểm DL, khu DL, niêm yết tại những nơi dễ quan sát ở điểm DL, in tờ rơi phát cho du khách; đặt thùng rác ở nơi thuận tiện để cho khách xả rác; lập báo cáo môi trường định kỳ theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở địa phương.

*Đối với du khách:* Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường ở nơi đến DL và trên hành trình DL.

*Đối với các tổ chức, cá nhân trong khu, điểm du lịch:* Tham gia bảo vệ, tôn tạo môi trường DL, phòng chống ô nhiễm, suy thoái môi trường.

*Đối với cơ quan quản lý du lịch:* Xây dựng quy hoạch phát triển DL của địa phương theo hướng DL bền vững phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

*Đối với cơ quan quản lý môi trường:* Cung cấp số liệu định kỳ để xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công nghệ, thiết bị, quy trình vận hành và khả năng ứng phó sự cố môi trường của các cơ sở kinh doanh DL.

### **3. Kết luận**

Một số gợi ý về giải pháp nêu trên mang tính định hướng trên cơ sở những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn, Thành phố cần có chương trình hành động cụ thể, hướng ứng tích cực những chính sách chung hướng tới phát triển DL biển đảo bền vững hơn, góp phần thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế xã hội của vùng và của đất nước.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Niên giám thống kê Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Cục thống kê các tỉnh này 2011
- [2] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TP Đà Nẵng (2001), *Kết quả điều tra nguồn nhân lực du lịch trên địa bàn TP Đà Nẵng năm 2011*.
- [3] Nguyễn Thanh Tường (2012), *Giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng, số 50.
- [4] Nguyễn Thanh Tường (2011), *Nghiên cứu tác động của hoạt động du lịch đến môi trường tự nhiên và đề xuất giải pháp quản lý ở quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng*, Tạp chí Khoa học và Giáo dục trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, số 1.

## **SOLUTIONS FOR SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT OF THE SEA, THE ISLAND IN DA NANG CITY**

*Nguyen Thanh Tuong*

*The University of Danang – University of Science and Education*

### **ABSTRACT**

Da Nang city has great potential and conditions for sustainable development of marine and island tourism. With the advantage of having the seaport and international airport and being the gateway to the world heritages of Central Region, as well as rich and diverse tourist resources such as Marble Mountains, Museum of Cham Sculpture, The Dien Hai Citadel, Son Tra Peninsula, Ba Na-Mo Stream and the system of rivers: Han, Cam Le, Tuy Loan, Trung Dinh, Hoa Bac; the villages of Nam Phong, Hoa Tien, Hoa Phu and Phu Thuong, the beautiful beaches, the infrastructure system serving tourism basically and schronomously, good services, ect, Da Nang has become an attractive destination of domestic and foreign tourists. But the visible biggest drawback is that the economic effectiveness of tourism is still poor, as indicated in low tourism income, the short length of stay, tourist products which are not diverse. In this paper, the state of developing marine and island tourism in the city is studied to find out solutions to the sustainable development of marine and island tourism in accordance with the

current development.

\* ThS. Nguyễn Thanh Tường, Email: [nguyenthanhtuongdn@yahoo.com](mailto:nguyenthanhtuongdn@yahoo.com), Trường ĐHSP,  
ĐHĐN